

VẬN DỤNG MÔ HÌNH CIPO TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

Vũ Phương Xuân¹,
Nguyễn Đức Thanh^{2,+}

¹Trường Đại học Thủ Dầu Một;

²Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

+Tác giả liên hệ • Email: thanhnd@hcmue.edu.vn

Article history

Received: 23/3/2024

Accepted: 28/8/2024

Published: 20/10/2024

Keywords

CIPO model, management, experiential activities, career guidance, secondary schools

ABSTRACT

Experiential and career guidance activities are essentially aiming to form and develop three groups of competencies: life adaptation competency; activity designing and organizing competency; and career-orientation competency. At the same time, this is also a mandatory educational activity, playing an important role in the establishment and development of key qualities, general competencies, and specific competencies in the 2018 General Education Curriculum. Through investigating the documents and research results of related local and international authors, the article discusses ways to approach the CIPO model (Context - Input - Process - Output) and proposes some suggestions for applying this model to managing experiential and career guidance activities in secondary schools. The results of this theoretical research will serve as the basis for practical surveys and proposing management measures to improve the quality of this educational activity.

1. Mở đầu

Nghị quyết số 29-NQ/TW về thực hiện định hướng đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT nước ta đã xác định phải đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực: “*Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề*”. Thông qua các hoạt động giáo dục sẽ giúp HS dần hình thành các phẩm chất, năng lực và khả năng vận dụng tri thức vào thực tế cuộc sống, gắn lý thuyết với thực tiễn (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Năm 2018, chương trình giáo dục phổ thông mới đã chính thức được Bộ GD-ĐT ban hành, triển khai trên phạm vi toàn quốc. Trong đó, chương trình hoạt động trải nghiệm (HĐTN) và HĐTN, hướng nghiệp (HN) là hoạt động giáo dục bắt buộc được thực hiện xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 12 và được gọi với tên chung là HĐTN. Thực chất HĐTN là sự thay đổi tên, nhiệm vụ, chức năng và phương thức mới của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp trong Chương trình giáo dục phổ thông 2006 trước đây, thể hiện sự đổi mới căn bản mục đích của nhà trường phổ thông là phát triển phẩm chất và năng lực của HS, tạo sự hài hòa, cân đối giữa “dạy chữ” và “dạy người” (Trần Thị Hương và cộng sự, 2023). Bên cạnh đó, lần đầu tiên HĐTN, HN được thiết kế thành chương trình, được dành thời lượng riêng trong giờ lên lớp như một môn học; kết quả học tập của HS cũng được đánh giá và sử dụng như các môn học khác trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Đinh Thị Kim Thoa và cộng sự, 2021). Để thực hiện tốt mục tiêu chương trình HĐTN ở trường phổ thông thì công tác quản lý giữ vai trò rất quan trọng và quyết định đến sự thành công đối với hoạt động giáo dục này. Mặc dù công tác quản lý HĐTN, HN ở trường THCS cũng đã sớm được quan tâm, triển khai thực hiện và đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức chỉ đạo thực hiện, công tác kiểm tra, đánh giá, cùng với các điều kiện hỗ trợ khác do tính mới của chương trình HĐTN, HN mới chỉ được áp dụng trong thời gian khá ngắn.

Bài viết trình bày cách tiếp cận mô hình CIPO trong quản lý hoạt động giáo dục và đề xuất vận dụng mô hình CIPO trong quản lý HĐTN, HN ở trường THCS. Qua đó, có thể khẳng định được sự phù hợp của mô hình này trong quản lý HĐTN, HN ở trường THCS, góp phần đạt được mục tiêu giáo dục đề ra và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Các nghiên cứu về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường trung học cơ sở

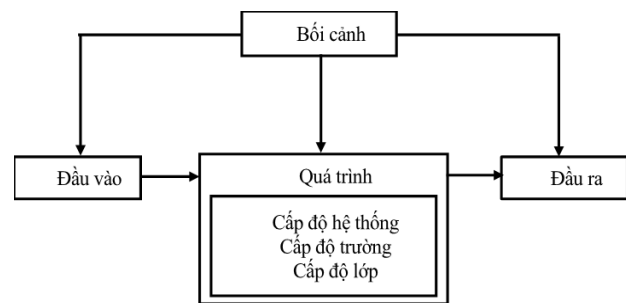
Nghiên cứu về quản lý HĐTN cho HS cũng đã sớm được các nhà khoa học trên thế giới đề cập. Rijumol và cộng sự (2010) đã đưa ra kết luận rằng, quản lý thiên tai được xem là kỹ năng sống tốt nhất và có tác động tối đa khi được

day thông qua học tập và thử nghiệm thực hành thay vì chỉ dạy nó như một môn học. Hướng dẫn cho thế hệ trẻ về các khía cạnh phòng ngừa, cùng cách thức thực hành khi gặp phải những tình huống thảm khốc và sự cần thiết phải có cách tiếp cận nhân văn trong việc đối phó với thảm họa thông qua HĐTN. Ngoài ra, vai trò của người dạy và người học trong tình huống học tập dựa trên kinh nghiệm và một số ý nghĩa giáo dục cũng đã được giải thích (Trần Đại Nghĩa, 2020). Giáo dục đóng vai trò chủ đạo trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực (NNL) tương lai và luôn cần phải thực hiện quản lý sự thay đổi. Trách nhiệm của GV trong việc quản lý hoạt động ngoại khóa giữ một vai trò quan trọng. Để quản lý, giám sát hoạt động ngoại khóa, GV cần có sự hướng dẫn nhằm mang lại kết quả như mong muốn. Việc quản lý thời gian của các hoạt động học tập thông qua trải nghiệm thực địa ngoài trời là cần thiết để tránh những tác động tiêu cực. Bên cạnh đó, sự tham gia của lãnh đạo, CBQL là rất quan trọng đối với việc quản lý những thay đổi trong trường học (Atta et al., 2023; Tahira et al., 2013).

Ở Việt Nam, nghiên cứu về quản lý HĐTN ở trường phổ thông nói chung và quản lý HĐTN, HN ở trường THCS hiện nay còn khá ít. Một số tác giả đã tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý HĐTN ở trường phổ thông, đồng thời đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động này như: nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, HS và phụ huynh HS; kế hoạch hóa/lập kế hoạch tổ chức HĐTN; cải tiến/nâng cao công tác tổ chức thực hiện HĐTN; tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện HĐTN; cải tiến/nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN; đáp ứng các điều kiện đảm bảo tổ chức HĐTN trong nhà trường... (Cao Thanh Sơn, 2019; Lê Tiến Sĩ, 2019; Phạm Thị Thanh Hải và Nguyễn Thị Thanh Hương, 2019). Nghiên cứu quản lý HĐTN, HN cho HS theo tiếp cận năng lực của tác giả Lê Kim Anh (2022) đã làm sáng tỏ thêm về công tác quản lý HĐTN, HN tại trường THCS TP. Hà Nội trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Kết quả nghiên cứu thực trạng đã cho thấy, các nội dung quản lý đều ở mức trung bình, dưới trung bình cả về tần suất và kết quả thực hiện. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất 6 biện pháp quản lý có tính cấp thiết và tính khả thi cao qua khảo nghiệm nhận thức của các đối tượng có liên quan. Tiếp cận chức năng quản lý trong nghiên cứu quản lý HĐTN, HN của HS các trường THCS TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo định hướng nghề nghiệp của tác giả Nguyễn Thị Tâm (2022) cũng đã tiến hành khảo sát và đánh giá thực tiễn công tác quản lý HĐTN, HN tại trường THCS trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Từ kết quả nghiên cứu thực trạng, tác giả cũng đề xuất 6 biện pháp quản lý góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý HĐTN, HN của HS các trường THCS trên địa bàn.

2.2. Mô hình CIPO trong quản lý hoạt động giáo dục

Với quan điểm chất lượng đào tạo là một quá trình, năm 2000, UNESCO đã đề xuất mô hình đào tạo CIPO (Context - Input - Process - Output/Outcome), đây là một mô hình quản lý hiện đại và hiệu quả. Mô hình CIPO gồm 4 thành tố: Bối cảnh môi trường; đầu vào; quá trình; đầu ra (Bùi Ngọc Hữu Vinh và Nguyễn Thành Nhân, 2020). Tiếp cận mô hình CIPO, giáo dục có thể được coi là một quá trình sản xuất, theo đó đầu vào phải thông qua một quá trình trong hệ thống hoặc cấp độ hệ thống của nó mới dẫn đến kết quả ở đầu ra mà quá trình này diễn ra trong sự tác động của một bối cảnh nhất định (hình 1).



Hình 1. Mô hình CIPO

Hiện nay, CIPO là mô hình đảm bảo chất lượng các cơ sở giáo dục, được các nhà nghiên cứu về giáo dục đánh giá là mô hình quá trình giáo dục toàn diện, tiếp cận quản lý theo quá trình dựa trên mục đích giáo dục có chất lượng đã được chứng minh qua các công trình nghiên cứu gần đây (Mai Thị Khuyên, 2020; Nguyễn Thành Nhân, 2020; Trần Đại Nghĩa, 2020; Trần Thị Quỳnh Loan và Nguyễn Xuân Thúc, 2018). Tiếp cận quá trình CIPO sẽ giúp nhà quản lý đánh giá được hiệu quả của giáo dục, kiểm soát quá trình thực hiện cũng như các yếu tố tác động khác. Vì vậy, tiếp cận mô hình CIPO trong quản lý HĐTN, HN ở trường THCS được hiểu là quá trình tác động có chủ đích của chủ thể quản lý (Hiệu trưởng) thông qua quản lý đầu vào, quá trình, đầu ra trong một bối cảnh cụ thể đến đối tượng quản lý thông qua kế hoạch, thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra được thực hiện liên tục, linh hoạt và hợp quy luật nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra.

2.3. Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường trung học cơ sở

2.3.1. Quản lý các yếu tố đầu vào của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường trung học cơ sở

Quản lý NNL phục vụ cho HĐTN, HN ở trường THCS: Quản lý NNL trong giáo dục nói chung và trong HĐTN, HN nói riêng chính là việc hoạch định, tuyển chọn, bồi dưỡng, đào tạo, duy trì và bố trí sử dụng nhân sự một cách

hợp lí nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đề ra. Để thực hiện được mục tiêu này, trước tiên đòi hỏi mỗi CBQL, GV và nhân viên nhà trường phải đáp ứng về mặt kiến thức, kĩ năng, năng lực cần có trong yêu cầu đổi mới giáo dục. Vì vậy, nhà quản lí cần tiến hành kế hoạch hóa NNL tham gia HĐTN, HN; phân tích SWOT và đảm bảo SMART về tình hình đội ngũ GV, nhân viên đáp ứng năng lực tổ chức HĐTN, HN; dự báo được nhu cầu NNL và phát triển NNL; đồng thời, đề ra các giải pháp phát triển NNL tổ chức HĐTN, HN cho trường; lựa chọn, đào tạo bồi dưỡng NNL theo kế hoạch; chú trọng chỉ đạo phân công nhiệm vụ, tổ chức HĐTN, HN ở trường phù hợp với năng lực chuyên môn; thực hiện việc giám sát, kiểm tra và đánh giá thường xuyên NNL tổ chức HĐTN, HN để có phương án điều chỉnh kịp thời; thu nhận thông tin phản hồi để đánh giá về những điểm mạnh và điểm yếu, những thuận lợi và khó khăn để ra kế hoạch bồi dưỡng NNL tổ chức HĐTN, HN cho năm học sau.

Quản lí nguồn lực tài chính phục vụ cho HĐTN, HN ở trường THCS: Tài chính cũng như thời gian cho HĐTN, HN là hết sức quan trọng, đảm bảo sử dụng đúng quy định về ngân sách được cung cấp, sử dụng đúng quy định về khoản thu ngoài ngân sách; đảm bảo công khai, minh bạch về thu chi tài chính trong nhà trường. Nhà quản lí cần tiến hành cập nhật, rà soát các văn bản pháp lí để tăng cường nguồn tài chính, thời gian cho HĐTN, HN của nhà trường; có khả năng dự báo, xác định nhu cầu và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn tài chính, thời gian phục vụ cho HĐTN, HN của toàn trường; tổ chức triển khai kế hoạch tài chính, thời gian cho HĐTN, HN cụ thể cho từng hoạt động; chỉ đạo huy động tối đa các nguồn tài chính từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để phục vụ HĐTN, HN của nhà trường; đồng thời, phải kiểm tra, đánh giá kế hoạch sử dụng nguồn tài chính, thời gian cho HĐTN, HN và có kế hoạch điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

Quản lí cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị và phương tiện phục vụ cho HĐTN, HN ở trường THCS: Mục tiêu quản lí CSVC, thiết bị giáo dục là xây dựng hệ thống CSVC, thiết bị giáo dục đáp ứng yêu cầu dạy học - giáo dục; tổ chức sử dụng CSVC, thiết bị giáo dục một cách tối ưu vào quá trình dạy học - giáo dục; tổ chức bảo quản hệ thống CSVC, thiết bị giáo dục (Trần Kiểm, 2016). Theo đó, nhà quản lí cần thực hiện các nội dung chính như: xây dựng kế hoạch sử dụng CSVC, thiết bị và phương tiện phục vụ cho HĐTN, HN của nhà trường; tổ chức phân công nhiệm vụ, quyền quản lí, sử dụng và chịu trách nhiệm về CSVC, thiết bị và công nghệ phục vụ cho HĐTN, HN của nhà trường; tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả các điều kiện CSVC, thiết bị và phương tiện sẵn có của nhà trường và của địa phương; chỉ đạo tổ chuyên môn, GV có kế hoạch khai thác hợp lí CSVC, thiết bị phục vụ việc triển khai HĐTN, HN của trường; thường xuyên rà soát CSVC, thiết bị và công nghệ để kịp thời sửa chữa, mua sắm, bổ sung; chỉ đạo việc tăng cường huy động xã hội hóa về CSVC, thiết bị và phương tiện của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp phục vụ cho việc triển khai các HĐTN, HN; kiểm tra, đánh giá công tác sử dụng CSVC, thiết bị và phương tiện; điều chỉnh những hạn chế và rút kinh nghiệm để quản lí được hiệu quả hơn.

Quản lí nội dung chương trình HĐTN, HN ở trường THCS: Cụ thể hóa mục tiêu nội dung chương trình HĐTN, HN của nhà trường dựa trên chương trình HĐTN, HN đã được Bộ GD-ĐT quy định. Bên cạnh đó, cần thường xuyên nghiên cứu, điều chỉnh để thiết kế nội dung chương trình một cách khoa học, đảm bảo thực hiện được mục tiêu đề ra, gắn liền với điều kiện thực tế của từng trường, với đối tượng HS và thực tế của địa phương. Nhà quản lí cần tiến hành lập kế hoạch; tiến hành tổ chức phân công cho từng bộ phận, tổ, nhóm và cá nhân phụ trách nội dung HĐTN, HN nhà trường; đồng thời, chỉ đạo thu thập thông tin, tài liệu về nội dung chương trình; lựa chọn, bổ sung nội dung phù hợp với đối tượng giáo dục, điều kiện của địa phương và nhà trường; chỉ đạo việc triển khai các nội dung HĐTN, HN trong nhà trường; chỉ đạo nâng cao sự phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong việc triển khai thực hiện các nội dung chương trình HĐTN, HN theo kế hoạch; thường xuyên kiểm tra, theo dõi từng kế hoạch, từng nội dung chương trình HĐTN, HN và hiệu quả thực hiện các nội dung chương trình HĐTN, HN nhà trường; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung chương trình, tìm ra những ưu điểm để phát huy và khắc phục những hạn chế cho việc quản lí nội dung chương trình HĐTN, HN lần sau.

2.3.2. Quản lí các yếu tố quá trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường trung học cơ sở

Quản lí lập kế hoạch tổ chức HĐTN, HN ở trường THCS: Khi xây dựng kế hoạch cần chú ý lựa chọn các hoạt động phù hợp, xác định chủ điểm cho từng thời gian cụ thể. Nhà quản lí phải tiến hành việc xây dựng kế hoạch HĐTN, HN cụ thể chung theo từng năm học cho toàn trường; phân tích SWOT và đảm bảo SMART trong xây dựng kế hoạch; xây dựng các hoạt động giáo dục phù hợp với mục tiêu HĐTN, HN và sắp xếp tiến độ thực thi các hoạt động phù hợp; xác định và huy động các lực lượng giáo dục cùng tham gia xây dựng kế hoạch HĐTN, HN của nhà trường; tiến hành phân bổ nguồn lực cho từng hoạt động cụ thể; xác định các biện pháp và cách thức thực hiện các hoạt động đảm bảo tính thiết thực; đề ra các tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động; hướng dẫn các tổ chuyên môn, GV xây dựng kế hoạch HĐTN, HN và phê duyệt kế hoạch tổ chuyên môn, của GV.

Quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN, HN ở trường THCS: Triển khai kế hoạch đến từng cá nhân, nhóm, tổ chức và bộ phận có liên quan đến HĐTN, HN của nhà trường; phân cấp quản lý và làm rõ trách nhiệm, cơ chế hoạt động của Ban Giám hiệu và GV chủ nhiệm lớp, GV môn học, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên và các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN, HN của nhà trường; phân công nhiệm vụ, từng công việc cụ thể cho từng cá nhân, tổ, nhóm và bộ phận liên quan trong tổ chức HĐTN, HN ở trường; tạo điều kiện thuận lợi để từng cá nhân, tổ, nhóm, và các bộ phận có liên quan hoàn thành nhiệm vụ tổ chức HĐTN, HN ở trường; có cơ chế phối hợp cụ thể, rõ ràng giữa GV với các lực lượng giáo dục khác trong và ngoài trường. Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực tổ chức HĐTN, HN cho các GV và lực lượng giáo dục tham gia tổ chức HĐTN, HN ở trường; đồng thời, thường xuyên động viên, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở thực hiện đúng theo kế hoạch đã đề ra.

Quản lý chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN, HN ở trường THCS: Đây là chức năng thể hiện năng lực của người quản lý, sau khi hoạch định kế hoạch và sắp xếp tổ chức, người quản lý phải điều khiển cho hệ thống hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu đã đề ra. Nhà quản lý chỉ đạo tổ chuyên môn, GV xây dựng kế hoạch HĐTN, HN theo yêu cầu; chỉ đạo tổ chuyên môn, GV phối hợp với các lực lượng giáo dục trong tổ chức các HĐTN, HN theo kế hoạch; chỉ đạo GV đổi mới và đa dạng hóa các phương thức tổ chức HĐTN, HN cho HS; chỉ đạo và huy động sự hỗ trợ của các chuyên gia từ các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong tổ chức các HĐTN, HN cho HS; chỉ đạo và tham mưu, thuyết phục để nhận được sự ủng hộ của UBND phường/xã, quận/huyện; Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT trong tổ chức HĐTN, HN của nhà trường; chỉ đạo huy động và thu hút gia đình HS cùng tham gia vào công tác tổ chức HĐTN, HN cho HS; chỉ đạo tăng cường CSVC, thiết bị và công nghệ, tài chính, thời gian để phục vụ cho công tác tổ chức HĐTN, HN nhà trường; chỉ đạo GV thực hiện có hiệu quả các mạch nội dung trong chương trình HĐTN, HN đã lựa chọn và thực hiện đánh giá kết quả HĐTN, HN cho HS chính xác và nghiêm túc.

Quản lý kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN, HN ở trường THCS: Kiểm tra là nhằm thẩm định, kiểm nghiệm mức độ hoàn thành kế hoạch. Đây là khâu cuối cùng trong quá trình quản lý HĐTN, HN và đồng thời mở ra một chu trình quản lý mới. Kiểm tra gắn liền với đánh giá kết quả hoạt động. Nhà quản lý cần xây dựng các tiêu chuẩn, căn cứ để kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục HĐTN, HN một cách rõ ràng; thực hiện đánh giá thường xuyên về mục tiêu, nội dung và quy trình tổ chức thực hiện HĐTN, HN của nhà trường; kiểm tra, đánh giá kết quả HĐTN, HN theo đúng kế hoạch đã đề ra; thường xuyên tiến hành kiểm tra hồ sơ kế hoạch, giáo án và dự giờ HĐTN, HN trong nhà trường; đồng thời, giám sát việc đánh giá kết quả HĐTN, HN thường xuyên thông qua kết quả học tập và nhận thức của HS; kiểm tra, đánh giá kết quả HĐTN, HN thông qua thái độ, nền nếp, đạo đức và ý thức kỉ luật của HS; kiểm tra sự phối hợp, vai trò của các lực lượng giáo dục trong tổ chức HĐTN, HN; tiến hành sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá trong thi đua, khen thưởng công tác tổ chức HĐTN, HN; đồng thời, phải định kì sơ kết, tổng kết thi đua và rút ra các bài học kinh nghiệm đối với HĐTN, HN ở nhà trường cho những năm tiếp theo.

2.3.3. Quản lý các yếu tố đầu ra của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường trung học cơ sở

Quản lý kết quả đầu ra so với yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của HS ở trường THCS: Nhà quản lý lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả đầu ra và xác định kết quả đầu ra theo mong đợi; tổ chức triển khai thực hiện và tiến hành thống kê đối chiếu kết quả đầu ra theo mong đợi về HĐTN, HN so với mục tiêu đã đề ra; chỉ đạo việc triển khai thực hiện các khâu đánh giá kết quả đầu ra HĐTN, HN theo kế hoạch; đồng thời, đánh giá kết quả đầu ra, rà soát và xem xét những kết quả đạt được, tìm ra những thiếu sót để có sự điều chỉnh hợp lý theo mục tiêu mong đợi.

Quản lý thông tin phản hồi từ các lực lượng giáo dục và HS về HĐTN, HN ở trường THCS: Thông tin phản hồi có vai trò quan trọng để nhà quản lý biết và điều chỉnh kế hoạch thực hiện tốt hơn. Quản lý các thông tin phản hồi về chất lượng HĐTN, HN ở trường THCS là nhằm phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện HĐTN, HN trong nhà trường bằng cách xây dựng kế hoạch thu thập thông tin phản hồi và mức độ hài lòng của HS, cha mẹ HS đối với HĐTN, HN của nhà trường; xác định các tiêu chí, căn cứ rõ ràng để thu thập thông tin phản hồi và đánh giá mức độ hài lòng đối với HĐTN, HN một cách khoa học, phù hợp và sát với thực tế; triển khai kế hoạch thu thập thông tin phản hồi và đánh giá mức độ hài lòng đối với các HĐTN, HN đến từng cá nhân, các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN, HN ở trường THCS; chỉ đạo việc thu thập thông tin phản hồi và đánh giá mức độ hài lòng đối với các HĐTN, HN ở trường THCS; đồng thời, thực hiện giám sát, đánh giá việc thu thập thông tin phản hồi và đánh giá mức độ hài lòng đối với các HĐTN, HN của nhà trường nhằm rút kinh nghiệm và có phương án điều chỉnh kế hoạch HĐTN, HN toàn trường ở những năm học tiếp theo.

2.3.4. Quản lý các yếu tố bối cảnh của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường trung học cơ sở

Để quản lý HĐTN, HN ở trường THCS đạt hiệu quả thì nhà quản lý phải kiểm soát các yếu tố tác động của bối cảnh, đánh giá đúng được tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội địa phương; xây dựng tốt môi trường giáo dục ở

trường THCS; nâng cao được nhận thức của các lực lượng giáo dục về HĐTN, HN cho HS; tối ưu hóa các chính sách dành cho các hoạt động giáo dục nói chung và HĐTN, HN nói riêng ở trường THCS; tranh thủ được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của các cấp quản lý chuyên môn và chính quyền địa phương; tăng cường mức độ ủng hộ, sự phối hợp của cha mẹ HS và cộng đồng xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

3. Kết luận

Quản lý HĐTN, HN ở trường THCS theo mô hình CIPO cần được thực hiện đồng bộ ở các khâu của quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục này. Việc quản lý toàn diện quá trình HĐTN, HN ở trường THCS từ quản lý các yếu tố đầu vào; các yếu tố quá trình; các yếu tố đầu ra và kiểm soát được sự tác động các yếu tố thuộc bối cảnh mà quá trình giáo dục diễn ra sẽ tạo cơ hội và khả năng thu được những hiệu quả tốt trong tổ chức HĐTN, HN cho HS ở trường THCS. Vì vậy, cơ sở lý luận về quản lý HĐTN, HN ở trường THCS theo mô hình CIPO là cơ sở khoa học để khảo sát và đánh giá thực tiễn, từ đó xây dựng được hệ thống các biện pháp quản lý khoa học, phù hợp và đồng bộ hơn, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức HĐTN, HN ở trường THCS, đáp ứng theo yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Atta, I. S., Alghamdi, A. H., & Alzaharni, R. A. (2023). Optimal steps for designing and implementing the extracurriculars through the integrative medical approach. *Heliyon*, 9(3). <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e13755>
- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bùi Ngọc Hữu Vinh, Nguyễn Thành Nhân (2020). Tổng quan lý thuyết và đề xuất mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong trường đại học trong bối cảnh hội nhập và đổi mới giáo dục Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục*, 04(28), 15-24.
- Cao Thanh Sơn (2019). Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm ở các trường trung học cơ sở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 7*, 61-65.
- Đình Thị Kim Thoa (chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Lê Thái Hưng, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Thanh Thủy, Lê Thế Tĩnh (2021). *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trung học cơ sở theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018*. NXB Đại học Sư phạm.
- Lê Kim Anh (2022). *Quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở thành phố Hà Nội theo tiếp cận năng lực*. Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê Tiến Sĩ (2019). Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm theo hướng phát triển năng lực học sinh ở các trường trung học cơ sở quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 7*, 53-60.
- Mai Thị Khuyên (2020). Đề xuất nội dung quản lý quản lý chất lượng dịch vụ công trong trường mầm non theo mô hình CIPO. *Tạp chí Giáo dục*, 482, 5-9.
- Nguyễn Thành Nhân (2020). Áp mô hình CIPO trong quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội tại các cơ sở giáo dục. *Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục*, 02(26), 18-23.
- Nguyễn Thị Tâm (2022). Quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học cơ sở thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo định hướng nghề nghiệp. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, 14(4), 14-20.
- Phạm Thị Thanh Hải, Nguyễn Thị Thanh Hương (2019). Đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh tại Trường trung học cơ sở Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 7*, 66-70.
- Rijumol, K. C. S., Sethurajan, T. R., & Ananthasayanam, R. (2010). Disaster Management Through Experiential Learning. *i-manager's Journal on Educational Psychology*, 4(1), 1-6. <https://doi.org/10.26634/jpsy.4.1.1217>
- Tahira, Z. M., Hassana, N. A., & Othmana, N. (2013). Performance Measurement for Extracurricular Management at Secondary School Level. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 81, 438-442. <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2013.06.456>
- Trần Đại Nghĩa (2020). *Quản lý hoạt động giáo dục trải nghiệm ở các trường trung học phổ thông chuyên khu vực Bắc miền Trung Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Trần Kiểm (2016). *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- Trần Thị Hương, Nguyễn Đắc Thanh, Võ Thị Hồng Trú (2023). *Giáo dục học*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần Thị Quỳnh Loan, Nguyễn Xuân Thúc (2018). Vận dụng tiếp cận CIPO vào quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập. *Tạp chí Giáo dục*, 422, 8-11.